TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2026/DS-PT
Ngày 29-6-2026
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và ông Lưu Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giangxét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 295/2026/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2026 về "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2026/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 283/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 402/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã N, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thảo L1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số A, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 11/6/2026) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1976 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã N, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Văn C, sinh năm 1965 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã N, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Hồ Văn N1, sinh năm 1970 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã N, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Hồ Thị N2, sinh năm 1973 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1979 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ E, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Hồ Thị V, sinh năm 1982 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã N, tỉnh An Giang.

3.6. Ông Hồ Tam Q (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã N, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Hồ Văn N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Hồ Thị L trình bày:

Cha mẹ bà L là ông Hồ Văn T (chết năm 2022) và bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2010); ông T và bà T1 có 07 người con, gồm: Hồ Văn C, Hồ Thị L, Hồ Văn N1, Hồ Thị N2, Hồ Thị M, Hồ Thị V và Hồ Văn N. Ông T và bà T1 chết không để lại di chúc, di sản để lại là phần đất diện tích 15.417m^2 thuộc thửa đất số 403, 404, 406, 3089, tờ bản đồ số 3 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSDĐ) số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T; đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang; hiện toàn bộ diện tích đất trên do ông Hồ Văn N đang quản lý sử dụng. Trước đây, bà L có khởi kiện ông N tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tại Tòa án, ông N đồng ý nhận toàn bộ đất và trả lại cho bà Hồ Thị N2, Hồ Thị M, Hồ Thị V mỗi người số tiền 200.000.000 đồng và cam kết giao tiền vào ngày 20/01/2025 nhưng ông N không thực hiện.

Nay bà L yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản mà ông T và bà T1 để lại là diện tích đất 15.417m^2 thuộc thửa đất số 403, 404, 406, 3089, tờ bản đồ số 3 do UBND huyện C cấp GCN QSDĐ số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T; qua đo đạc, thửa đất thứ nhất có diện tích 6.513m^2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 31/7/2024 và diện tích 7.707,8m^2 hiện do ông N đang sử dụng. Diện tích có giảm so với GCN QSDĐ được cấp là 1.196,2m^2, nguyên nhân là do làm lộ, múc kênh; hiện diện tích theo đo đạc là 14.220,8m^2, yêu cầu chia làm 07 phần theo quy định pháp luật.

Bị đơn là ông Hồ Văn N trình bày:

Cha mẹ ông N là ông Hồ Văn T (chết năm 2022) và bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2010); ông T và bà T1 có 07 người con gồm: Hồ Văn C, Hồ Thị L, Hồ Văn N1, Hồ Thị N2, Hồ Thị M, Hồ Thị V và Hồ Văn N. Ông T và bà T1 chết không để lại di chúc, di sản để lại là phần đất diện tích 15.417m^2 thuộc thửa đất số 403, 404, 406, 3089, tờ bản đồ số 3 do UBND huyện C cấp GCN QSDĐ số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T; đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang; hiện toàn bộ diện tích đất trên do ông N canh tác, quản lý từ lúc cha mẹ còn sống cho đến nay; quá trình sử dụng đất thì có thay đổi hiện trạng; trước đây Tòa án có tiến hành đo đạc thửa đất thứ nhất có diện tích 6.513m^2, ông N có cho ông Hồ Tam Q thuê một phần đất khoảng 100m^2 để cất 01 căn trại được thể hiện tại điểm A theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 31/7/2024, trên đất ông N có trồng dừa, ổi, mít; diện tích đất thứ hai theo đo đạc thực tế là 7.707,8m^2 hiện vẫn do ông N đang sử dụng. Diện tích đất có giảm so với GCN QSDĐ được cấp là 1.196,2m^2, nguyên nhân là do làm lộ, múc kênh; hiện diện tích theo đo đạc là 14.220,8m^2. Trước đây, bà L có khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tại Tòa án thì ông N đồng ý nhận toàn bộ đất và trả lại cho Hồ Thị N2, Hồ Thị M, Hồ Thị V mỗi người số tiền 200.000.000 đồng và cam kết giao tiền vào ngày 20/01/2025. Tuy nhiên, ông N không có khả năng hoàn trả tiền nên mới yêu cầu chuyển nhượng đất để lấy tiền giao theo thỏa thuận thì bà L không đồng ý giao lại GCN QSDĐ nên không chuyển nhượng được, do đó, ông N không có tiền giao theo thỏa thuận.

Nay ông N không đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của bà L. Trường hợp Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, ai được chia phần đất ông N đang trồng cây thì phải trả lại giá trị cây trồng trên đất và xem xét công sức đóng góp của ông N để giữ gìn tài sản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hồ Văn N không đồng ý chia thừa kế, nếu Tòa án chia thừa kế thì yêu cầu chia 14 phần, bao gồm 07 phần cho 07 người con của ông T và bà T1, 05 phần cho ông để làm các lễ giỗ hàng năm, 02 phần cho con của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị M trình bày: Thống nhất theo như lời trình bày của bà L, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 6.513m^2 và diện tích đất 7.707,8m^2 hiện ông N đang quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông Hồ Văn N; nếu Tòa án chia thừa kế thì phần ông được hưởng đồng ý giao lại cho ông N. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N1 trình bày nếu chia thừa kế thì phần ông hưởng ông sẽ nhận, không đồng ý giao lại cho ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn C trình bày: Cha mẹ ông C là ông Hồ Văn T (chết năm 2022) và bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2010); ông T và bà T1 có 07 người con gồm: Hồ Văn C, Hồ Thị L, Hồ Văn N1, Hồ Thị N2, Hồ Thị M, Hồ Thị V và Hồ Văn N. Ngoài 07 người con nêu trên thì ông T và bà T1 không có con riêng nào khác; ông bà nội ngoại của ông C cũng đã chết từ

lâu. Ông T và bà T1 chết không để lại di chúc, di sản để lại là phần đất diện tích 15.417m^2 thuộc thửa đất số 403, 404, 406, 3089, tờ bản đồ số 3 do UBND huyện C cấp GCN QSDĐ số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T; toàn bộ diện tích đất trên do ông Hồ Văn N đang canh tác, quản lý từ lúc cha mẹ còn sống cho đến nay; thống nhất với kết quả đo đạc thửa đất thứ nhất có diện tích 6.513m^2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 31/7/2024 và diện tích thứ hai theo đo đạc thực tế là 7.707,8m^2. Nay ông C không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L, vì trước đây bà L đã được cha mẹ cho đất nhưng bà L đã bán nay lại yêu cầu chia thêm. Nếu Tòa án có chia theo pháp luật thì ông C yêu cầu chia đất làm 07 phần bằng nhau, mỗi người nhận 01 phần.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2026/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 156, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Hồ Thị L.

- Bà Hồ Thị L được quyền sử dụng diện tích 7.707,8m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa 62, tờ 74 (bản đồ chính quy) và thửa đất số 3089, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) lập ngày 31/7/2024 do UBND huyện C cấp GCN QSDĐ số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T đứng tên; đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang.

- Ông Hồ Văn N được quyền sử dụng diện tích 6.513m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 10, 11 thuộc thửa 121, tờ 76 (bản đồ chính quy) và thửa đất số 403, 404, 406, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) lập ngày 31/7/2024 do UBND huyện C cấp GCN QSDĐ số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T; đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị V mỗi người số tiền 253.255.630 đồng.

- Ông Hồ Văn N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho ông Hồ Văn C số tiền 217.183.110 đồng.

- Bà Hồ Thị L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho ông Hồ Văn C số tiền 36.072.527 đồng.

- Ông Hồ Văn N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho ông Hồ Văn N1 số tiền 253.225.600 đồng.

- Ông Hồ Văn N có nghĩa vụ giao trả cho bà Hồ Thị L phần đất diện tích 7.707,8m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa 62 tờ 74 (bản đồ chính quy)

và thửa đất số 3089, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) lập ngày 31/7/2024 do UBND huyện C cấp GCN QSDĐ số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T; đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị L, ông Hồ Văn N có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục hành chính về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 02/4/2026, bị đơn là ông Hồ Văn N có đơn kháng cáo đề ngày 30/3/2026 với nội dung: Yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm; yêu cầu định giá toàn bộ di sản thừa kế theo giá Nhà nước.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị L do ông Huỳnh Thảo L1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Hồ Văn N trình bày: Ông đồng ý nhận diện tích đất 6.513m^2 đã được cấp sơ thẩm chia. Tuy nhiên, đối với phần diện tích đất 7.707,8m^2 giao cho bà L thì ông không đồng ý, yêu cầu phải giao cho ông C phân chia mới đúng vì chỉ có trưởng nam và út nam mới được đứng ra phân chia. Mặt khác, ông là con út trong gia đình nên đã trực tiếp chăm sóc cha mẹ từ khi bệnh đến chết và phải thực hiện 05 lễ giỗ trong năm, nhưng phân chia cho ông thêm 01 suất thừa kế là không công bằng. Do đó, ông yêu cầu xem xét giao lại diện tích đất 7.707,8m^2 cho ông C để phân chia, hoàn lại giá trị kỷ phần cho các anh em và ông được nhận thêm 01 kỷ phần.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C, ông N1 trình bày: Các ông thống nhất bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, theo hai ông, do ông N là con út nên phần diện tích đất 6.513m^2 giao cho ông N là đúng; chỉ nên chia thừa kế phần diện tích 7.707,8m^2. Riêng ông C không đồng ý nhận diện tích đất 7.707,8m^2 để phân chia cho các anh em như ý kiến của ông N, mà phải giao luôn cho ông N để chia lại. Ngoài ra, thừa nhận vẫn còn phần đất khoảng 5000m^2 của cha mẹ hiện ông N đang quản lý sử dụng, nhưng cho rằng đây là phần ăn của ông N được cha mẹ cho trước đây.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, bà V và bà N2 trình bày: Các bà thống nhất bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N. Ngoài phần di sản đất của cha mẹ được phân chia thừa kế trong vụ án này, ông N vẫn còn quản lý phần đất khác hơn 5.000m^2 ở C của cha mẹ để lại mà các bà không yêu cầu phân chia thừa kế.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn N; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2026/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang về số tiền buộc ông N hoàn trả cho ông N1 và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Hồ Văn N làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Tam Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Qua tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời trình bày các đương sự tại giai đoạn sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Các đương sự thống nhất, cụ Hồ Văn T (chết năm 2022) và cụ Nguyễn Thị T1 (chết năm 2010) có 07 người con, gồm: Hồ Văn C, Hồ Thị L, Hồ Văn N1, Hồ Thị N2, Hồ Thị M, Hồ Thị V và Hồ Văn N. Hai cụ chết không để lại di chúc. Di sản 02 cụ để lại là phần đất diện tích 15.417m^2 theo GCN QSDĐ số 03046QSDĐ/qB, do UBND huyện C cấp ngày 05/10/1995 cho cụ T đứng tên. Hiện do ông N quản lý và sử dụng. Đồng thời, các đương sự cũng thống nhất theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) lập ngày 31/7/2024, thể hiện: Hiện trạng diện tích có giảm so với GCN QSDĐ được cấp cho cụ T năm 1995 là 1.196,2m^2, nguyên nhân là do làm lộ, múc kênh… ; diện tích theo đo đạc thực tế là 14.220,8m^2 gồm 02 thửa, là di sản của cụ T và cụ T1 để lại không có di chúc và do ông N canh tác, quản lý từ lúc cha mẹ còn sống cho đến nay. Cụ thể:

- Diện tích đất thứ nhất 6.513m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 thuộc thửa 121, tờ 76 (bản đồ chính quy) và thửa đất số 403, 404, 406, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ) do ông N đang quản lý sử dụng; trên đất có cho ông Hồ Tam Q thuê một phần đất để cất 01 mái che tạm tại điểm A có diện tích 17m^2, 01 mái che tạm tại điểm B có diện tích 15,9m^2; 01 khu mộ tại điểm C có diện tích 13,9m^2; ngoài ra, trên đất ông N có trồng 11 cây dừa (dưới 02 năm); 30 cây dừa (trên 10 năm), 56 cây dừa (05 -10 năm); 120 cây ổi (05-10 năm); 30 cây mít (05-10 năm); 08 cây chanh (05-10 năm); 110 cây chuối đang có buồng; 604 cây chuối sắp có buồng; 450 cây chuối con; 30 cây khóm (05 tháng tuổi); 07 cây mai (02-03 năm); 01 cây xoài (05-10 năm); 01 cây cóc (03 năm); 02 cây mận (08 năm).

- Diện tích đất thứ hai 7.707,8m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa 62, tờ 74 (bản đồ chính quy) và thửa đất số 3089, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ), hiện ông N đang quản lý sử dụng trồng lúa.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 361/2025/659 ngày 22/12/2025 của Công ty cổ phần T2 thì: Diện tích 7.707,8m^2 có giá 1.049.095.047 đồng; diện tích 6.513m^2 có giá 976.950.000 đồng; giá trị các cây trồng trên đất là 379.737.000 đồng.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ T1 có 07 người con, gồm: Hồ Văn C, Hồ Thị L, Hồ Văn N1, Hồ Thị N2, Hồ Thị M, Hồ Thị V và Hồ Văn N; hai cụ chết không để lại di chúc nên di sản của cụ T và cụ T1 được chia theo pháp luật. Do ông N là người quản lý, sử dụng phần đất nên cấp sơ thẩm xác định ông N có công sức giữ gìn, tôn tạo đất để chia cho ông N thêm 01 kỷ phần thừa kế là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và Án lệ số 05/2016/AL. Vì vậy, di sản của cụ T và cụ T1 để lại là diện tích đất 14.220,8m^2 trị giá 2.026.045.047 đồng, được chia làm 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần thừa kế trị giá 253.255.630 đồng (2.026.045.047 đồng : 8).

Nguyên đơn bà L có yêu cầu được nhận hiện vật nên cấp sơ thẩm xem xét phân chia di sản cụ T và cụ T1 bằng hiện vật cho bà L và ông N là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, cụ thể:

Ông N được nhận phần đất diện tích 6.513m^2 (phần đất ông N trồng cây ăn trái), trị giá 976.950.000 đồng nên ông N có nghĩa vụ hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác, gồm: Ông Hồ Văn C số tiền là 217.183.110 đồng, ông Hồ Văn N1 số tiền là 253.255.630 đồng.

Bà L được nhận phần đất diện tích 7.707,8m^2 trị giá 1.049.095.047 đồng nên bà L có nghĩa vụ hoàn giá trị cho các thừa kế khác, gồm: Bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị V, mỗi người số tiền là 253.255.630 đồng; hoàn lại giá trị cho ông Hồ Văn C số tiền là 36.072.527 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nay ông N kháng cáo, yêu cầu xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp chứng cứ mới và tại phiên tòa xác định chỉ yêu cầu xem xét giao lại phần diện tích đất 7707,8m^2 mà cấp sơ thẩm đã giao cho bà L, yêu cầu giao

cho ông C để ông C đứng ra hoàn lại kỷ phần cho các anh em; cũng như xem xét chia thêm cho ông một kỷ phần thừa kế nữa, ngoài một kỷ phần thừa kế đã được cấp sơ thẩm xem xét chia cho ông do có công sức giữ gìn di sản. Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của ông N trình bày không được ông C đồng ý nhận diện tích đất 7707,8m^2 để chịu trách nhiệm phân chia hoàn giá trị kỷ phần cho các thừa kế và người đại diện ủy quyền của bà L cũng không thống nhất; đồng thời bà L, bà M, bà V và bà N2 yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Hồ Văn N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho ông Hồ Văn N1 số tiền là 253.225.600 đồng là chưa chính xác, cần phải sửa lại là 253.255.630 đồng.

Ngoài ra, về chi phí tố tụng số tiền 10.000.000 đồng (do bà L tạm nộp), Tòa án sơ thẩm chia làm 07 phần là chưa chính xác. Do di sản thừa kế được chia thành 08 kỷ phần, ông N được hưởng 02 phần, nên chi phí tố tụng phải được chia thành 08, mỗi phần là 1.250.000 đồng. Do đó, ông C, ông N1, bà N2, bà M, bà V, mỗi người hoàn trả lại cho bà L số tiền 1.250.000 đồng; ông N hoàn trả lại cho bà L số tiền 2.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2026/DS-ST ngày 27/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang về số tiền ông N có nghĩa vụ hoàn cho ông N1 và chi phí tố tụng như nhận định trên; các phần nội dung khác tại quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn N được chấp nhận một phần nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn N.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2026/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang về số tiền ông Hồ Văn N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hồ Văn N1 và về chi phí tố tụng:

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Hồ Thị L.

- Bà Hồ Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 7.707,8m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa 62, tờ 74 (bản đồ chính quy) và thửa đất số 3089, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng

Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) lập ngày 31/7/2024 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T, đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang.

- Ông Hồ Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 6.513m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 10, 11 thuộc thửa 121, tờ 76 (bản đồ chính quy) và thửa đất số 403, 404, 406, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) lập ngày 31/7/2024 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T, đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị V, mỗi người số tiền 253.255.630đ (hai trăm năm mươi ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

- Ông Hồ Văn N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho ông Hồ Văn C số tiền là 217.183.110đ (hai trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn một trăm mười đồng).

- Bà Hồ Thị L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho ông Hồ Văn C số tiền 36.072.527đ (ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng).

- Ông Hồ Văn N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho ông Hồ Văn N1 số tiền 253.255.630đ (hai trăm năm mươi ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

- Ông Hồ Văn N có nghĩa vụ giao trả cho bà Hồ Thị L phần đất diện tích 7.707,8m^2 tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa 62, tờ 74 (bản đồ chính quy) và thửa đất số 3089, tờ bản đồ 03 (bản đồ nông nghiệp cũ) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) lập ngày 31/7/2024 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03046QSDĐ/qB ngày 05/10/1995 cho ông Hồ Văn T, đất tọa lạc tại xã N, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị L, ông Hồ Văn N có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục hành chính về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Hai Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 31/7/2024 của Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) và Công văn số 14A/CV-VPĐKĐĐCM ngày 15/3/2026 Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C là một phần không thể tách rời của bản án.

- Chi phí tố tụng:

Tổng chi phí tố tụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Bà Hồ Thị L, ông Hồ Văn C, ông Hồ Văn N1, bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị V, mỗi người

phải chịu 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), ông Hồ Văn N phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Do bà Hồ Thị L đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nên ông Hồ Văn C, ông Hồ Văn N1, bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị V, mỗi người phải hoàn trả cho bà Hồ Thị L số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); ông Hồ Văn N phải hoàn trả cho bà Hồ Thị L số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị L phải chịu 12.662.700đ (mười hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 6.600.000đ (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003160 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà Hồ Thị L phải nộp tiếp số tiền 6.062.700đ (sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Bà Hồ Thị N2, ông Hồ Văn N1, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn C, mỗi người phải chịu 12.662.700đ (mười hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Ông Hồ Văn N phải chịu 24.260.400đ (hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Hồ Văn N được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000778 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 11 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11 - An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa dân sự,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phòng GĐ,KT,TT&THA, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Minh Châu